

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20 /NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 17 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Phân bổ kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào
dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 30**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 920/QĐ-TTg ngày 14 tháng 5 năm 2025 điều chỉnh một số nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; số 778/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2025 về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước năm 2025 của các bộ, cơ quan ở Trung ương và các địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025; số 75/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2024 của sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Xét Tờ trình số 5023/TTr-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An, số tiền: **590.373 triệu đồng**. (Bằng chữ: Năm trăm chín mươi tỷ, ba trăm bảy mươi ba triệu đồng).

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khoá XVIII, Kỳ họp thứ 30 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: Dân tộc và Tôn giáo, Tài chính (để b/c);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành, thị xã;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Hoàng Nghĩa Hiếu

PHỤ LỤC

Phân bổ kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An
(Kèm theo Nghị quyết số **20** /NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Nghệ An)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2025					
		Kinh phí sự nghiệp	Trong đó chi tiết theo lĩnh vực sự nghiệp				
			Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
	TỔNG SỐ	590.373	98.605	28.244	7.573	420.621	35.330
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	26.013				26.013	
	<i>Cấp huyện</i>	26.013				26.013	
	- Hỗ trợ chuyển đổi nghề	12.090				12.090	
	Huyện Kỳ Sơn	4.080				4.080	
	Huyện Tương Dương	5.770				5.770	
	Huyện Con Cuông	680				680	
	Huyện Quế Phong	1.240				1.240	
	Huyện Quỳnh Châu	320				320	
	- Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	13.923				13.923	
	Huyện Kỳ Sơn	6.141				6.141	
	Huyện Tương Dương	1.881				1.881	
	Huyện Con Cuông	900				900	
	Huyện Anh Sơn	84				84	
	Huyện Thanh Chương	390				390	
	Huyện Quế Phong	1.998				1.998	
	Huyện Quỳnh Châu	1.200				1.200	
	Huyện Quỳnh Hợp	1.329				1.329	
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	137				137	
	<i>Cấp huyện</i>	137				137	
	Huyện Kỳ Sơn	87				87	
	Huyện Tương Dương	50				50	
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	358.801				358.801	
	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	258.393				258.393	
	<i>Cấp huyện</i>	258.393				258.393	
	Huyện Kỳ Sơn	57.119				57.119	
	Huyện Tương Dương	80.880				80.880	
	Huyện Con Cuông	26.959				26.959	
	Huyện Thanh Chương	2.944				2.944	
	Huyện Quế Phong	58.709				58.709	
	Huyện Quỳnh Châu	23.933				23.933	



12

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2025					
		Kinh phí sự nghiệp	Trong đó chi tiết theo lĩnh vực sự nghiệp				
			Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
	Huyện Quỳnh Hợp	7.849				7.849	
	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN	100.408				100.408	
	- Hỗ trợ vùng trồng dược liệu quý	7.894				7.894	
	<i>Cấp huyện</i>	7.894				7.894	
	Huyện Kỳ Sơn	1.754				1.754	
	Huyện Tương Dương	1.754				1.754	
	Huyện Con Cuông	1.316				1.316	
	Huyện Quế Phong	1.754				1.754	
	Huyện Quỳnh Châu	1.316				1.316	
	- Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN	92.514				92.514	
	<i>Cấp huyện</i>	92.514				92.514	
	Huyện Kỳ Sơn	23.747				23.747	
	Huyện Tương Dương	14.244				14.244	
	Huyện Con Cuông	9.834				9.834	
	Huyện Anh Sơn	998				998	
	Huyện Thanh Chương	2.436				2.436	
	Huyện Tân Kỳ	166				166	
	Huyện Quế Phong	12.781				12.781	
	Huyện Quỳnh Châu	10.243				10.243	
	Huyện Quỳnh Hợp	16.401				16.401	
	Huyện Nghĩa Đàn	1.498				1.498	
	Huyện Quỳnh Lưu	166				166	
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	29.557				29.557	
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	29.557				29.557	
	<i>Cấp huyện</i>	29.557				29.557	
	Huyện Kỳ Sơn	7.311				7.311	
	Huyện Tương Dương	4.496				4.496	
	Huyện Con Cuông	3.206				3.206	
	Huyện Anh Sơn	358				358	
	Huyện Thanh Chương	751				751	
	Huyện Tân Kỳ	60				60	
	Huyện Quế Phong	4.111				4.111	
	Huyện Quỳnh Châu	3.307				3.307	
	Huyện Quỳnh Hợp	5.277				5.277	
	Huyện Nghĩa Đàn	620				620	

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2025					
		Kinh phí sự nghiệp	Trong đó chi tiết theo lĩnh vực sự nghiệp				
			Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
	Huyện Quỳnh Lưu	60				60	
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	98.605	98.605				
	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường Phổ thông có học sinh bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	30.841	30.841				
	<i>Cấp huyện</i>	30.841	30.841				
	Huyện Kỳ Sơn	11.197	11.197				
	Huyện Tương Dương	5.961	5.961				
	Huyện Con Cuông	4.217	4.217				
	Huyện Thanh Chương	992	992				
	Huyện Quế Phong	3.513	3.513				
	Huyện Quỳnh Châu	1.736	1.736				
	Huyện Quỳnh Hợp	3.225	3.225				
	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	18.857	18.857				
	<i>Cấp tỉnh</i>	2.500	2.500				
	- Sở Dân tộc và Tôn giáo (Văn phòng Sở Dân tộc và Tôn giáo)	2.000	2.000				
	- Công an tỉnh	500	500				
	<i>Cấp huyện</i>	16.357	16.357				
	Huyện Kỳ Sơn	2.622	2.622				
	Huyện Tương Dương	2.123	2.123				
	Huyện Con Cuông	1.498	1.498				
	Huyện Anh Sơn	499	499				
	Huyện Thanh Chương	250	250				
	Huyện Tân Kỳ	1.374	1.374				
	Huyện Quế Phong	1.623	1.623				
	Huyện Quỳnh Châu	1.498	1.498				
	Huyện Quỳnh Hợp	2.497	2.497				
	Huyện Nghĩa Đàn	1.873	1.873				
	Huyện Quỳnh Lưu	125	125				
	Thị xã Thái Hoà	375	375				
	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	28.545	28.545				
	<i>Cấp tỉnh</i>	8.563	8.563				
	- Phát triển giáo dục nghề nghiệp	8.563	8.563				
	Sở Giáo dục và Đào tạo	8.563	8.563				
	<i>Cấp huyện</i>	19.982	19.982				

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2025					
		Kinh phí sự nghiệp	Trong đó chi tiết theo lĩnh vực sự nghiệp				
			Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
	Huyện Kỳ Sơn	1.572	1.572				
	Huyện Tương Dương	3.849	3.849				
	Huyện Con Cuông	1.796	1.796				
	Huyện Thanh Chương	449	449				
	Huyện Tân Kỳ	2.566	2.566				
	Huyện Quế Phong	1.571	1.571				
	Huyện Quỳnh Châu	2.245	2.245				
	Huyện Quỳnh Hợp	3.368	3.368				
	Huyện Nghĩa Đàn	2.566	2.566				
	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	20.362	20.362				
	<i>Cấp tỉnh</i>	20.362	20.362				
	Sở Dân tộc và Tôn giáo (Văn phòng Sở Dân tộc và Tôn giáo)	20.362	20.362				
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	10.365		10.365			
	<i>Cấp tỉnh</i>	9.365		9.365			
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	9.365		9.365			
	<i>Cấp huyện</i>	1.000		1.000			
	Huyện Kỳ Sơn	60		60			
	Huyện Tương Dương	60		60			
	Huyện Con Cuông	60		60			
	Huyện Quế Phong	120		120			
	Huyện Quỳnh Châu	240		240			
	Huyện Quỳnh Hợp	260		260			
	Huyện Nghĩa Đàn	200		200			
VII	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	7.573			7.573		
	<i>Cấp tỉnh</i>	757			757		
	Sở Y tế:	757			757		
	- Văn phòng Sở Y tế	257			257		
	- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An	275			275		
	- Trung tâm Huyết học-Truyền máu	225			225		
	<i>Cấp huyện</i>	6.816			6.816		
	Huyện Kỳ Sơn	1.444			1.444		
	Huyện Tương Dương	995			995		
	Huyện Con Cuông	730			730		
	Huyện Anh Sơn	88			88		
	Huyện Thanh Chương	147			147		
	Huyện Tân Kỳ	243			243		
	Huyện Quế Phong	855			855		
	Huyện Quỳnh Châu	730			730		
	Huyện Quỳnh Hợp	1.164			1.164		

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2025					
		Kinh phí sự nghiệp	Trong đó chi tiết theo lĩnh vực sự nghiệp				
			Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
	Huyện Nghĩa Đàn	332			332		
	Huyện Quỳnh Lưu	22			22		
	Thị xã Thái Hoà	66			66		
VIII	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	28.727					28.727
	<i>Cấp tỉnh</i>	573					573
	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	573					573
	<i>Cấp huyện</i>	28.154					28.154
	Huyện Kỳ Sơn	6.742					6.742
	Huyện Tương Dương	4.243					4.243
	Huyện Con Cuông	3.092					3.092
	Huyện Anh Sơn	395					395
	Huyện Thanh Chương	723					723
	Huyện Tân Kỳ	66					66
	Huyện Quế Phong	3.947					3.947
	Huyện Quỳnh Châu	3.026					3.026
	Huyện Quỳnh Hợp	5.262					5.262
	Huyện Nghĩa Đàn	592					592
	Huyện Quỳnh Lưu	66					66
IX	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	6.603					6.603
	Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống của các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù.	6.603					6.603
	<i>Cấp tỉnh</i>	3.000					3.000
	Sở Dân tộc và Tôn giáo (Văn phòng Sở Dân tộc và Tôn giáo)	3.000					3.000
	<i>Cấp huyện</i>	3.603					3.603
	Huyện Kỳ Sơn	1.118					1.118
	Huyện Tương Dương	592					592
	Huyện Con Cuông	329					329
	Huyện Anh Sơn	33					33
	Huyện Thanh Chương	288					288
	Huyện Tân Kỳ	58					58
	Huyện Quế Phong	433					433
	Huyện Quỳnh Châu	381					381
	Huyện Quỳnh Hợp	278					278
	Huyện Nghĩa Đàn	77					77
	Thị xã Thái Hòa	15					15
X	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	23.992		17.879		6.113	

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2025					
		Kinh phí sự nghiệp	Trong đó chi tiết theo lĩnh vực sự nghiệp				
			Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và CTMTQG	17.879		17.879			
	<i>Cấp tỉnh</i>	7.214		7.214			
	Sở Dân tộc và Tôn giáo (Văn phòng Sở Dân tộc và Tôn giáo)	6.000		6.000			
	Sở Tư pháp (Văn phòng Sở Tư pháp)	357		357			
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	500		500			
	Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	357		357			
	<i>Cấp huyện</i>	10.665		10.665			
	Huyện Kỳ Sơn	2.072		2.072			
	Huyện Tương Dương	1.573		1.573			
	Huyện Con Cuông	1.085		1.085			
	Huyện Anh Sơn	206		206			
	Huyện Thanh Chương	141		141			
	Huyện Tân Kỳ	532		532			
	Huyện Quế Phong	1.161		1.161			
	Huyện Quỳnh Châu	912		912			
	Huyện Quỳnh Hợp	1.736		1.736			
	Huyện Nghĩa Đàn	1.063		1.063			
	Huyện Quỳnh Lưu	54		54			
	Thị xã Thái Hòa	130		130			
	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	6.113				6.113	
	<i>Cấp tỉnh</i>	2.221				2.221	
	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An	366				366	
	Hội Liên hiệp Phụ nữ	183				183	
	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Văn phòng Nông nghiệp và Môi trường)	183				183	
	Sở Giáo dục và Đào tạo (Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo)	183				183	
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	183				183	
	Sở Y tế (Văn phòng Sở Y tế)	183				183	
	Sở Tài chính (Văn phòng Sở Tài chính)	183				183	
	Sở Công thương (Văn phòng Sở Công thương)	25				25	
	Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh	183				183	
	Liên minh Hợp tác xã	61				61	
	Sở Nội vụ (Văn phòng Sở Nội vụ)	183				183	

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2025					
		Kinh phí sự nghiệp	Trong đó chi tiết theo lĩnh vực sự nghiệp				
			Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
	Sở Xây dựng (Văn phòng Sở Xây dựng)	61				61	
	Sở Tư pháp (Văn phòng Sở Tư pháp)	61				61	
	Công an tỉnh Nghệ An	61				61	
	Kho bạc Nhà nước khu vực X	61				61	
	Hội Nông dân	61				61	
	<i>Cấp huyện</i>	3.892				3.892	
	Huyện Kỳ Sơn	868				868	
	Huyện Tương Dương	582				582	
	Huyện Con Cuông	429				429	
	Huyện Anh Sơn	36				36	
	Huyện Thanh Chương	90				90	
	Huyện Tân Kỳ	98				98	
	Huyện Quế Phong	510				510	
	Huyện Quỳnh Châu	429				429	
	Huyện Quỳnh Hợp	680				680	
	Huyện Nghĩa Đàn	134				134	
	Huyện Quỳnh Lưu	9				9	
	Thị xã Thái Hòa	27				27	

